

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 172/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31/8/2020

V/v tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Ngọc Liêm.

2. Ông Võ Lâm Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 482/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Đoàn Kết K, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 230, ấp Mỹ T, xã Mỹ H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 230, ấp Mỹ T, xã Mỹ H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

3. ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Đoàn Thị Thoại M, sinh năm 1993; có đơn xin vắng mặt.

- Bà Đoàn Thị Mộng T, sinh năm 1995; có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Số 230, ấp Mỹ T, xã Mỹ H, huyện C, tỉnh An Giang;

Địa chỉ liên lạc: ấp Tân B, xã Tà Đ, huyện C, tỉnh An Giang

- Em Đoàn Thị Hà M, sinh năm 2007.

Đại diện theo pháp luật của Hà M. Có bà Nguyễn Thị C; có mặt.

Cùng ngụ địa chỉ: Số 230, ấp Mỹ T, xã Mỹ H, huyện C, tỉnh An Giang

Địa chỉ liên lạc: ấp Tân B, xã Tà Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Đoàn Kết K trình bày: Vào ngày 11 tháng 9 năm 2017 ông và bà Nguyễn Thị C thỏa thuận tình ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, Thụ lý giải quyết và công nhận theo Quyết định số 258/2017/QĐDS-HNGĐ ngày 11/9/2017. Tuy nhiên trước đây trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại ông và bà C có tạo dựng được 01 khối tài sản chung chưa chia gồm:

- Diện tích đất 64.3m², loại đất ở nông thôn; theo tờ bản đồ số 33, thửa 247, được UBND huyện C cấp cho ông và bà C theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BD 664959 ngày 06/12/2013. Giá trị đất 50.000.000 đồng.

- Căn nhà gắn liền với diện tích đất nói trên có diện tích 42,9m². Kết cấu khung Bê tông cốt thép, vách gạch, nền lót gạch men, cấp IVa xây dựng năm 2013 theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở số BQ 664959 cấp ngày 06/12/2013. Nhà và đất nói trên tọa lạc tại ấp Mỹ T, xã Mỹ H, huyện C, An Giang. Giá trị căn nhà 50.000.000 đồng.

Nay, ông yêu cầu chia đôi tài sản nói trên và ông yêu cầu được nhận tài sản là quyền sử dụng đất và căn nhà. Ông xin hoàn ½ giá trị căn nhà và đất cho bà C với số tiền 50.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà thống nhất với nội dung trình bày của ông K về khối tài sản chung chưa chia gồm nhà và đất nêu trên hiện nay ông K đang quản lý sử dụng. Bà thống nhất chia nhưng phải chia làm 05 phần gồm: bà, ông K và cùng 03 người con chung là Đoàn Thị Thoại M, Đoàn Thị Mộng T và Đoàn Thị Hà M. Bà cho rằng đối với tổng số tiền xây dựng căn nhà là có 01 phần đóng góp của con chung tên Đoàn Thị Mộng T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Đoàn Thị Thoại M, Đoàn Thị Mộng T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà M, bà T vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà M, bà T về nội dung đơn khởi kiện của ông K.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngày 11/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 258. Do chưa thỏa thuận được chia tài sản chung nên ông K yêu cầu chia tài sản chung, cụ thể:

+ Diện tích 64,3m² đất ở nông thôn thuộc thửa 247, tờ bản đồ số 33 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02675 ngày 06/12/2013 do UBND huyện C cấp cho ông K, bà C.

+ 01 căn nhà gắn liền diện tích đất nói trên, nhà có diện tích 42,9m², có kết cấu khung BTCT, vách gạch, nền lót gạch men, cấp Iva, xây dựng năm 2013 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02675 ngày 06/12/2013. Giá trị nhà khi cất là 100.000.000 đồng, giá trị căn nhà khi cất là 100.000.000 đồng, giá trị hiện tại còn lại 50.000.000 đồng.

Yêu cầu chia đôi, ông K yêu cầu được quyền sử dụng nhà và đất, hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất cho bà C số tiền 50.000.000 đồng, nhà và đất tọa lạc ấp Mỹ T, xã Mỹ H, huyện C. Hiện nhà do Đoàn Thị Thoại M (con của ông K và bà C) đang sử dụng. Trong đó diện tích căn nhà có 11,6m² là hành lang giao thông và 15,3m² là mái che thuộc hành lang giao thông, khi nhà nước có nhu cầu sử dụng mục đích công cộng đồng ý giao và bồi thường quy định, nếu thuộc quyền sử dụng của bà C.

Phía bà C thống nhất chia tài sản chung. Tuy nhiên, yêu cầu nhận nhà, đất, đồng ý hoàn trả giá trị cho ông K.

Xét thấy, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 258 ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thể hiện tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nhưng do chưa thỏa thuận được chia tài sản chung nên ông K yêu cầu chia tài sản chung.

Ngày 26/5/2020, Tòa án đã tiến hành đo đạc, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp, cụ thể:

+ Diện tích đất 64,3m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02675 ngày 06/12/2013 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Đoàn Kết K và bà Nguyễn Thị C, có giá 600.000 đồng/m² x 64,3m² = 38.580.000 đồng.

+ Trên đất có căn nhà cấp 4 có diện tích căn nhà 42,9m², kết cấu móng cột bê tông cốt thép, sàn lững bằng gỗ, máy tole, tấm trần nhựa, có mái dòm bê tông cốt thép. Tường trong sơn nước, ốp gạch, hệ thống điện nước hoàn chỉnh, có giá xây dựng mới 3.852.000 đồng/m², giá trị còn lại 65%, tổng giá trị 107.413.020 đồng.

Tổng giá trị tài sản: 145.993.000 đồng. Đây là tài sản chung của vợ chồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên được chia theo Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, ông K, bà C mỗi người được chia tài sản chung là 72.996.500 đồng. Từ sau khi ly hôn đến nay ông K là người trực tiếp, quản lý nhà, đất nên

tiếp tục nhà, đất cho ông K và ông K có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản được chia cho bà C 72.996.500 đồng.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của ông Đoàn Kết K.

- Ông Đoàn Kết K được tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà và diện tích đất 64,3m² do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp quyền sử dụng đất số CH02675 ngày 06/12/2013 cho ông Đoàn Kết K, bà Nguyễn Thị C.

- Buộc ông Đoàn Kết K hoàn trả giá trị tài sản chung được chia cho bà Nguyễn Thị C số tiền 72.996.500 đồng.

- Ông Đoàn Kết K có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đoàn Thị Thoại M, Đoàn Thị Mộng T đã được tổng đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay (có đơn xin vắng mặt). Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đoàn Thị Thoại M, Đoàn Thị Mộng T là đúng theo quy định của pháp luật.

Ông Đoàn Kết K khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn với bà Nguyễn Thị C. Bà C có nơi cư trú tại ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Đoàn Kết K và bà Nguyễn Thị C xác định trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại ông, bà có tạo dựng khối tài sản chung gồm: Diện tích đất 64,3m², loại đất ở nông thôn; theo tờ bản đồ số 33, thửa 247, được UBND huyện C cấp cho ông K và bà C theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BĐ 664959 ngày 06/12/2013.

- Căn nhà gắn liền với diện tích đất nói trên có diện tích 42,9m². Kết cấu khung Bê tông cốt thép, vách gạch, nền lót gạch men, cấp IVa xây dựng năm 2013 theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở số BQ 664959 cấp ngày 06/12/2013. Nhà và đất nói trên tọa lạc tại ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông K yêu cầu chia đôi khối tài sản nêu trên, ông yêu cầu được nhận tài sản và đồng ý hoàn ½ giá trị tài sản nhà và đất cho bà

C. Bà C thống nhất chia nhưng phải chia làm 05 phần gồm: bà và ông K cùng 03 người con chung do đó làm phát sinh tranh chấp.

Các đương sự thống nhất theo số liệu bản vẽ 09/6/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh Chợ Mới. Đất thực tế có diện tích: 64,3m² và căn nhà 42,9m² (trong đó có 11,6 m² thuộc hành lang giao thông) do ông K, bà C đứng tên. Ông K, bà C thống nhất không yêu cầu Tòa án đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ lại và thống nhất kết quả định giá ngày 26/5/2020 giá trị đất, nhà như sau:

- Đất 64,3m² loại đất ở nông thôn, giá trị 600.000 đồng/m².
- Giá trị căn nhà 42,9m² xây mới 3.852.000 đồng, giá trị sử dụng còn lại 65%.

Cụ thể:

- Diện tích đất 64,3m² x 600.000 đồng : 2 người = 19.290.000 đồng.
- Căn nhà 42,9m² x 3.852.000đồng/m² giá trị xây mới x 65% giá trị sử dụng còn lại = 107.413.020 đồng : 2 người = 53.706.510 đồng.
- Tổng cộng giá trị nhà và đất mỗi người được chia 72.996.510 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông K, bà C trình bày và thống nhất giao (diện tích 11,6 m² thuộc hành lang giao thông) khi Nhà nước có nhu cầu sử dụng vào mục đích công cộng. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông K, bà C; trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà C thống nhất chia tài sản chung với ông K nhưng yêu cầu chia làm 05 phần gồm: bà và ông K cùng 03 người con chung; xét về yêu cầu này của bà C thì thấy hiện tại bà và ông K còn đủ năng lực về trách nhiệm hành vi dân sự và toàn quyền quyết định về khối tài sản chung chưa chia gồm quyền sử dụng đất và căn nhà nói trên. Ngoài ra, bà C cho rằng đối với số tiền xây dựng căn nhà là có phần đóng góp (tiền) của con chung tên Đoàn Thị Mộng T, tuy nhiên bà không có chứng cứ chứng minh về số tiền của Mộng Trinh đóng góp. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của bà C.

Hội đồng xét xử nhận định đối với diện tích đất 64,3m² nói trên về nguồn gốc là do của cha, mẹ của ông K tặng cho lại ông K, bà C và căn nhà có diện tích 42,9m² là do ông K, bà C xây dựng. Đến ngày 06/12/2013 ông K, bà C được UBND huyện Chợ Mới cấp theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CH 02675, theo tờ bản đồ số 33, thửa 247. Hiện tại ông K đang ở và sinh hoạt cùng các con. Hội đồng xét xử xét thấy cần nghi nên chấp nhận yêu cầu của ông K. Ông K được tiếp tục quản lý sử dụng trên diện tích đất 64,3m² và căn nhà có diện tích 42,9m². Ông K có nghĩa vụ hoàn ½ giá trị đất và căn nhà 72.996.510 đồng cho bà C.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà C về chia tài sản chung cho các con chung.

- Bản vẽ ngày 09/6/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang là một phần không thể tách rời của bản án.

- Các bên đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3]. Về chi đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

3.1. Ông K tự nguyện chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng. Ông K đã nộp xong.

3.2. Ông K tự nguyện chịu 964.700 đồng, chi phí nhận bản vẽ ngày 09/6/2020 đối với diện tích đất và căn nhà. Ông K đã nộp xong.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 33, 59 và Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Kết K.

2. Ông K được tiếp tục quản lý sử dụng trên diện tích đất 64,3m² và căn nhà có diện tích 42,9m², theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CH 02675, theo tờ bản đồ số 33, thửa 247; tọa lạc tại ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

3. Ông K có nghĩa vụ hoàn ½ giá trị đất và căn nhà 72.996.510 đồng cho bà C.

4. Bản vẽ ngày 09/6/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang là một phần không thể tách rời của bản án.

5. Các bên đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Không chấp nhận yêu cầu của bà C về chia tài sản chung cho các con chung.

7. *Về chi đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:*

- Ông K tự nguyện chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng. Ông K đã nộp xong.

- Ông K tự nguyện chịu 964.700 đồng, chi phí nhận bản vẽ ngày 09/6/2020 đối với diện tích đất và căn nhà. Ông K đã nộp xong.

8. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông K phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm là 3.649.825 (ba triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm hai mươi năm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000^d (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007842 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Ông K còn phải nộp thêm 2.399.825 đồng.

9. Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm là 3.649.825 (ba triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm hai mươi năm ngàn) đồng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quang Thanh